TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN P** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **706** /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Bình

2. Ông Kim Thái Hồ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh*: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 460/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Tuyết L, sinh năm: 1977; Địa chỉ: đường N, phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970; Thường trú: đường B, phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Tại phiên tòa: Bà L có mặt, ông A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn A tự nguyện chung sống với nhau năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm sống. Vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn một năm, mỗi người ở một nơi. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông A để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Bà và ông A có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 25/5/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận bà L trình bày về quá trình chung sống là đúng. Do tính chất công việc nên vợ chồng không ở chung nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng xa cách. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông xác nhận vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 25/5/2011. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Xét đơn khởi kiện ngày 11/5/2017 của bà Võ Thị Tuyết L, Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn". Do bị đơn cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn*: Ông A có đơn đề ngày 20/7/2017 về việc yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông A.

2. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn A tự nguyện chung sống vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông A là trái pháp luật, không được pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông A cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không giải quyết cho bà L và ông A ly hôn mà Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà L và ông A là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* Hai bên xác nhận có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 25/5/2011. Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Xét, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009199 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông A phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết L

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn A.

- *Về quan hệ con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 25/5/2011 cho bà Võ Thị Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông A được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Hai bên xác nhận không có

2. Về án phí:

- Bà Võ Thị Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009199 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

- Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Tuyết L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn A được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. P;
- Chi cục THADS Q. P;
- Lưu VP, hồ sơ (Thành)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Thị Thanh Mai